TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S
TỈNH PH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10** /2023/HNGĐ - ST
Ngày 25 tháng 04 năm 2023
V/v: *"Hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S TỈNH PH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Đình Quang;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Hà Đức Trưởng
- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí – Thẩm tra viên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S tỉnh Ph tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph, Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2023/TLST- HNGĐ, ngày 09 / 02 / 2023 Về việc "*Hôn nhân và gia đình*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 12/ 04/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hà Huyền Tr**, sinh năm 2000
Địa chỉ: Xóm Luông, xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph

Bị đơn: Anh **Hà Minh T**, sinh năm 1995
Địa chỉ: Xóm Luông, xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph
(Tại phiên tòa chị Tr và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hà Huyền Tr trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 20/09/2018, Chị và anh Hà Minh T đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chị ở cùng với gia đình anh T tại xóm Luông, xã Văn L được một thời gian. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống với nhau không có hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn anh T.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Hà Trà M, sinh ngày 27/05/2019 hiện nay cháu M đang ở với anh T. Khi ly hôn, chị nhất trí để anh T trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M khôn lớn thành niên, chị Tr tự nguyện cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.
- *Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ, công sức:* Chị Tr xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về phía bị đơn: Anh Hà Minh T đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị Tr và anh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/03/2023, anh T trình bày:
- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Tr đăng ký kết hôn như chị Tr trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn cuộc sống chung không thể kéo dài , mục đich hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí ly hôn với chị Hà Huyền Tr.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Hà Trà M, sinh ngày 27/05/2019, hiện nay cháu M đang ở với anh. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M và anh T yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu M khôn lớn thành niên.

- *Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp*: Anh T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Sơn phát biểu quan điểm:
- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;
- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ vào khoản 1 điều 56 điều 57, 81,82,83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình. *Tuyên xử:*
+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Huyền Tr được ly hôn anh Hà Minh T.
- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao cháu Hà Trà M, sinh ngày: 27/05/2019 cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T số tiền là: 1.000.000đ/tháng. Chị Tr được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.
- *Về tài sản chung, riêng vợ chồng, công nợ, cấp dưỡng giữa vợ và chồng, công sức đóng góp:* Chị Tr, anh T xác nhận không có và không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên, Viện kiểm sát không xem xét đề nghị giải quyết là phù hợp;

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc nguyên đơn chị Hà Huyền Tr phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Xác nhận chị Tr đã nộp 300.000đ tiền tạm

ứng án phí, lệ phí tòa án tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Sơn theo biên lai số: AA/2020/0007509 ngày 09/02/2023, nay được chuyển thành án phí ly hôn sơ thẩm. Buộc chị Tr phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hà Huyền Tr có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Minh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph. Tòa án đã thông báo cho anh Hà Minh T về việc thụ lý vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị Tr và anh T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh T đến Tòa án để làm việc nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chúng cứ. Ngày 27/03/2023 Tòa án phối hợp cùng chính quyền địa phương đến tại gia đình anh T để tiến hành lấy lời khai của anh T và anh T trình bày quan điểm, ý kiến của mình, đồng thời anh T, chị Tr cũng có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Tr, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tân S xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh T trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 20/09/2018, Chị và anh Hà Minh T đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn L, huyện Tân S, tỉnh Ph. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống thời gian đầu vợ chồng anh, chị hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2022 chị Tr và anh T không hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên có mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Tr xin được ly hôn anh T. Về phía anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng theo như chị Tr trình bày là đúng, nay chị Tr xin ly hôn anh, anh cũng nhất trí. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Tr và anh T đã dạn nứt không thể hàn gắn được. Sau khi chị Tr xin ly hôn anh T, anh T cũng đồng ý điều đó chứng tỏ anh T không còn niềm tin vào hành phúc của mình. Mặt khác, Qua xác minh tại UBND xã Văn L cho rằng khả năng đoàn tụ của anh, chị là khó. Như vậy, có thể thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr đối với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tr và anh T xác nhận có 01 (Một) con chung là cháu Hà Trà M, sinh ngày 27/05/2019. Khi ly hôn chị Tr có quan điểm nguyện vọng để anh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, vì hiện nay cháu M đang ở cùng với anh T và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T với số tiền là: 1.000.000đ/tháng. Còn đối với anh T cũng đồng ý với chị Tr về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Nên cần giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.000.000đ/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 81,82,83, 110 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Tr được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở là phù hợp.

2.3. Về tài sản chung,tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị Tr và anh T đều xác nhận không có nên không đặt ra và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị Hà Huyền Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.5.Về quyền kháng cáo: Chị Tr và anh T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

2.6. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81,82,83,110 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Hà Huyền Tr được ly hôn anh Hà Minh T.

[2]*Về con chung:* Giao cháu Hà Trà M, sinh ngày: 27/05/2019 cho anh Hà Minh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M khôn lớn thành niên. Chị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T số tiền là: 1.000.000đ/tháng. Thời

điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu M thành niên. Chị Tr được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

[3]*Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Chị Tr và anh T đều xác nhận không có nên không đặt ra và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Hà Huyền Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Tr đã nộp là 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số: AA/2020/0007509 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân S, tỉnh Ph.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Tr và anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ph xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện Tân S;
- UBND xã Văn M
- UBND xã Văn L
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tạ Đình Quang